

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ Q
TỈNH TUYỀN QUANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **67/2021/HS-ST.**
Ngày 09/6/2021

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ Q, TỈNH TUYỀN QUANG.**

- Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lương Thanh Huyền

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Vương Minh Tân

2. Bà Lý Thúy Hà

- Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hoài Hương – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Q.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Q tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Doanh - Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 6 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Q, tỉnh Tuyền Quang mở phiên tòa sơ thẩm xét xử công khai vụ án hình sự thụ lý số 67/2021/TLST-HS, ngày 17 tháng 5 năm 2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 64/2021/QĐXXST-HS, ngày 26 tháng 5 năm 2021, đối với bị cáo:

Họ và tên: **Lê Việt Tr**, sinh ngày 27/11/1989;

Nơi ĐKKHKT và nơi ở: Tổ dân phố 14, phường T, thành phố Q, tỉnh Tuyền Quang;

Dân tộc: Kinh; quốc tịch: Việt Nam; tôn giáo: Không; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 12/12; con ông Lê Ngọc A, sinh năm 1962 và bà Nguyễn Thu H, sinh năm 1963; anh, chị, em ruột: Có 03 người, bị cáo là thứ nhất; vợ: Đỗ Phương N (đã chết); con: Có 02 con, lớn sinh năm 2011 nhỏ sinh năm 2017;

Tiền án: Có 01 tiền án. Năm 2020 bị Tòa án nhân dân thành phố Q xử phạt 07 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản (giá trị tài sản trộm cắp 7.200.000 đồng) và 01 năm 03 tháng tù về tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản (giá trị tài sản chiếm đoạt là 27.000.000 đồng); hình phạt chung T phải chấp hành cho cả 02 tội là 01 năm 10 tháng tù; tại Bản án hình sự số 91/2020/HS-ST ngày 24/9/2020, T đang chấp hành hình phạt tù tại Trại giam Quyết Tiến.

Tiền sự: Có 02 tiền sự.

Năm 2020, Công an phường T, thành phố Q phạt tiền 750.000 đồng về hành vi Sử dụng trái phép chất ma túy, tại Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 169 ngày 16/3/2020 (đã nộp phạt).

Năm 2020, Công an phường Ý La, thành phố Q phạt tiền 1.000.000 đồng về hành vi Sử dụng trái phép chất ma túy, tại Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 23 ngày 06/4/2020 (chưa nộp phạt).

Nhân thân: Không có.

Bị cáo hiện đang chấp hành án phạt tù tại Trại giam Quyết Tiến – Bộ Công an

theo Bản án số 91/2020/HS-ST ngày 24/9/2020 của Tòa án nhân dân thành phố Q.
(Có mặt tại phiên tòa).

**Người bị hại:* Bà Nguyễn Thu H, sinh năm 1963; địa chỉ: Số nhà 15, ngõ 294, đường Trường Chinh, tổ dân phố 14, phường T, thành phố Q, tỉnh Tuyên Quang. *Có mặt tại phiên tòa.*

**Người có quyền lợi N vụ liên quan:*

- Ông Lê Minh Q, sinh năm 1975; địa chỉ: Tổ dân phố 11, phường P, thành phố Q, tỉnh Tuyên Quang. *Vắng mặt tại phiên tòa.*

- Ông Nguyễn Văn N, sinh năm 1984; địa chỉ: Tổ dân phố 08, phường H, thành phố Q, tỉnh Tuyên Quang. *Có mặt tại phiên tòa.*

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 04/11/2020 tại tổ dân phố 14, phường T, thành phố Q, tỉnh Tuyên Quang, Lê Việt Tr cư trú tại tổ dân phố 14, phường T, thành phố Q có hành vi Trộm cắp tài sản và Lạm dụng tín nhiệm tài sản, cụ thể:

Về hành vi Trộm cắp tài sản:

Khoảng 09 giờ 30 phút, ngày 04/11/2020, T mượn xe mô tô nhãn hiệu HONDA, loại SCR, biển kiểm soát 22K8-6804 của mẹ đẻ là bà Nguyễn Thu H, sinh năm 1963, cư trú cùng địa chỉ, để đi. Sau đó, khoảng 10 giờ 30 phút cùng ngày, T điều khiển xe mô tô trên về nhà thì gặp bà H, T tiếp tục hỏi mượn xe, bà H đồng ý rồi đi làm.

Khoảng 11 giờ 30 phút cùng ngày, trong khi ở nhà T nhìn thấy chiếc máy tính xách tay nhãn hiệu ASUS màu nâu đen của bà H đang sạc pin trên bàn tại tầng 1, T nảy sinh ý định trộm cắp chiếc máy tính trên mang bán lấy tiền chi tiêu nên T lấy chiếc máy tính (cùng dây sạc) cho vào túi đựng máy tính để ở ghế, điều khiển xe mô tô biển kiểm soát 22K8-6804 mang chiếc máy tính trên đến cửa hàng Quang Vinh Mobile của Lê Minh Q, địa chỉ tổ dân phố 11, phường P, thành phố Q bán được 2.300.000 đồng, bán xong T đi xe mô tô đến quán điện tử ở khu vực thôn 4, xã T Môn, huyện Y, tỉnh Tuyên Quang chơi, chi tiêu hết số tiền trên.

Quá trình điều tra bà H không đề nghị định giá dây sạc và túi đựng máy tính vì đã cũ, không còn giá trị.

Tại kết luận định giá tài sản số 19 ngày 18/4/2021 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự thành phố Q, kết luận: Máy tính xách tay nhãn hiệu ASUS, chip i3, 04 GB RAM, ổ cứng 320 GB có giá trị 2.100.000đ (Hai triệu một trăm nghìn đồng).

Về hành vi Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản:

Khoảng 16 giờ ngày 04/11/2020, tại quán điện tử ở khu vực thôn 4, xã T Môn, huyện Y, tỉnh Tuyên Quang, T nảy sinh ý định bán chiếc xe mô tô biển kiểm soát 22K8-6804 mượn của bà Nguyễn Thu H (mẹ đẻ bị cáo) để lấy tiền tiêu; T hỏi Nguyễn Hoàng C, trú tại xóm 17, xã T môn, huyện Y, lúc đó đang chơi điện tử tại quán, biết chỗ nào cầm cố, mua bán xe không thì được C giới thiệu cho số điện thoại của Nguyễn Văn N, trú tại tổ dân phố 08, phường H, thành phố Q. T gọi điện cho

N nói muốn bán xe, N nhất trí, N nhờ Trần T K (trú cùng địa chỉ với N) chở N đến gặp T, N thỏa thuận mua chiếc xe mô tô trên của T với giá 10.000.000 đồng. Do không có giấy tờ xe nên N trả cho T 5.500.000 đồng, còn lại 4.500.000 đồng N sẽ trả cho T khi có giấy tờ. Đối với số tiền N trả T chi tiêu cá nhân hết.

Tại kết luận định giá tài sản số 84 ngày 11/12/2020 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự thành phố Q, kết luận: Giá trị xe mô tô nhãn hiệu HONDA SCR, màu sơn bạc, biển kiểm soát 22K8-6804, số máy MH*09D00478, số khung 10391000408* sử dụng từ năm 2009 có giá là 7.000.000đ (Bảy triệu đồng).

Tại Cáo trạng số 70/CT-VKSTP, ngày 17 tháng 5 năm 2021 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Q đã truy tố Lê Việt Tr về 02 tội “*Trộm cắp tài sản*” và “*Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản*” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 và điểm a khoản 1 Điều 175 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố luận tội và tranh luận: Trong suốt quá trình điều tra, truy tố, xét xử bị cáo thành khẩn khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội mà bị cáo đã thực hiện. Do đó, Viện kiểm sát giữ nguyên quyết định truy tố đối với bị cáo Lê Việt Tr về 02 tội “*Trộm cắp tài sản*” và “*Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản*”. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm a khoản 1 Điều 175; điểm s khoản 1 Điều 51; đoạn 1 điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 38; Điều 55; Điều 56 Bộ luật hình sự; xử phạt bị cáo Lê Việt Tr từ 07 tháng đến 10 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản; từ 09 tháng đến 12 tháng tù về tội Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản; buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung cho cả 02 tội từ 01 năm 04 tháng đến 01 năm 10 tháng tù; tổng hợp với hình phạt 01 năm 10 tháng tù của Bản án số 91/2020/HS-ST ngày 24/9/2020 của Tòa án nhân dân thành phố Q, buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung cho cả 02 bản án là từ 03 năm 01 tháng đến 03 năm 07 tháng tù; thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo đi chấp hành án của bản án trước 09/11/2020. Ngoài ra, Đại diện Viện kiểm sát còn đề nghị Hội đồng xét xử xem xét phần xử lý vật chứng (trả lại Giấy phép lái xe cho bị cáo), án phí và tuyên quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội của bị cáo, không có ý kiến tranh luận đối với luận tội của Viện kiểm sát. Khi nói lời sau cùng bị cáo nhận thức được hành vi phạm tội của mình là trái pháp luật, tỏ ra ăn năn hối cải và đề nghị hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo được hưởng mức án thấp nhất.

Người bị hại, bà Nguyễn Thu H không yêu cầu bị cáo bồi thường gì và đề nghị Tòa án xét xử bị cáo theo quy định.

Người có quyền lợi N vụ liên quan, anh Nguyễn Văn N tại phiên tòa rút toàn bộ yêu cầu bồi thường, không yêu cầu bị cáo bồi thường gì.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về hành vi, quyết định của Cơ quan điều tra Công an thành phố Q, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Q, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu

nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về hành vi phạm tội của bị cáo: Căn cứ lời khai của bị cáo tại Cơ quan điều tra và tại phiên tòa; căn cứ biên bản khám nghiệm hiện trường, sơ đồ hiện trường, bản ảnh hiện trường, vật chứng thu giữ được, kết luận định giá tài sản, lời khai của người bị hại, người làm chứng và người có quyền lợi N vụ liên quan, cũng như các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Các tài liệu, chứng cứ hoàn toàn phù hợp và đủ cơ sở kết luận: Ngày 04/11/2020, tại nhà bà Nguyễn Thu H, tổ dân phố 14, phường T, thành phố Q, tỉnh Tuyên Quang; Lê Việt Tr (cùng trú tại địa chỉ trên) có hành vi trộm cắp 01 máy tính xách tay nhãn hiệu ASUS, trị giá 2.100.000 đồng và có hành vi lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt 01 xe mô tô nhãn hiệu HONDA SCR biển kiểm soát 22K8-6804, trị giá 7.000.000 đồng của bà Nguyễn Thu H. Tổng giá trị tài sản Lê Việt Tr chiếm đoạt là 9.100.000 đồng. Hành vi lợi dụng sơ hở của người khác để trộm cắp tài sản của họ và lợi dụng lòng tin của người khác nhằm chiếm đoạt tài sản của họ, mà bị cáo thực hiện đã phạm vào 02 tội Trộm cắp tài sản và Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản, tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 173 và điểm a khoản 1 Điều 175 của Bộ luật hình sự. Viện kiểm sát nhân dân thành phố Q truy tố bị cáo như nội dung Cáo trạng là hoàn toàn đúng người, đúng tội, có căn cứ, không oan.

Hành vi phạm tội mà bị cáo thực hiện xâm phạm trực tiếp đến quyền sở hữu về tài sản của người khác. Bị cáo là người có đầy đủ năng lực nhận thức, học hết lớp 12, có trình độ học vấn, hoàn toàn nhận thức được hành vi trộm cắp và lạm dụng tín nhiệm nhằm chiếm đoạt tài sản của người khác là hành vi trái với các quy định của pháp luật. Bị cáo là người có nhân thân xấu, 02 lần bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi Sử dụng trái phép chất ma túy, trước ngày thực hiện hành vi phạm tội bị cáo đã bị xét xử về tội Trộm cắp tài sản và Lừa đảo chiếm đoạt tài sản (đang trong thời gian chờ tự nguyện thi hành án), bị cáo không lấy đó làm bài học để tu dưỡng, rèn luyện bản thân mà bị cáo còn cố ý tiếp tục các hành vi phạm tội khác. Hành vi phạm tội mà bị cáo thực hiện hoàn toàn do lỗi cố ý, thể hiện ý thức coi thường, bất chấp các quy định của pháp luật. Căn cứ vào tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo, xét thấy cần áp dụng mức hình phạt tù nghiêm khắc mới đủ tác dụng giáo dục bị cáo và răn đe, phòng ngừa tội phạm chung.

[3] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Khi bị cáo thực hiện hành vi phạm tội thì Bản án hình sự sơ thẩm số 91/2020/HS-ST ngày 25/9/2020 của Tòa án nhân dân thành phố Q xét xử đối với bị cáo đã có hiệu lực pháp luật. Bị cáo phạm tội lần này là tái phạm, đây là tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại đoạn 1 điểm h khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự.

[4] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong giai đoạn điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo; bị cáo tỏ ra ăn năn hối cải về hành vi phạm tội mà mình đã thực hiện. Đây là tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự, cần áp dụng để xem xét giảm nhẹ mức hình phạt cho bị cáo. Tại phiên tòa bị cáo có trình bày bố đẻ bị cáo là thương binh hạng $\frac{3}{4}$ nhưng bị cáo không có tài liệu, chứng cứ nào để chứng minh nên không có căn cứ để xem xét.

Mức hình phạt mà Viện kiểm sát đề nghị là phù hợp nên chấp nhận.

Bị cáo hiện chưa chấp hành xong hình phạt tù của Bản án số 91/2020/HS-ST ngày 25/9/2020 của Tòa án nhân dân thành phố Q, cần áp dụng Điều 56 của Bộ luật hình sự để tổng hợp hình phạt đối với bị cáo, buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung của cả hai bản án.

[5] Về hình phạt bổ sung: Xét thấy bị cáo không có việc làm, thu nhập, không có tài sản riêng có giá trị. Nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[6] Về phần trách nhiệm dân sự: Người bị hại không yêu cầu bị cáo bồi thường. Người có quyền lợi N vụ liên quan, ông Nguyễn Văn N tại phiên tòa rút toàn bộ yêu cầu bồi thường. Ông Lê Minh Q không có yêu cầu bồi thường. Hội đồng xét xử không xem xét về phần trách nhiệm dân sự.

[7] Xử lý vật chứng: Cơ quan điều tra có thu giữ 01 xe mô tô HONDA SCR biển kiểm soát 22K8-6804 do ông Nguyễn Văn N giao nộp, xe mô tô này là do bị cáo chiếm đoạt của bà Nguyễn Thu H, ngày 11/01/2021 Cơ quan điều tra đã trả lại xe cho bà Hà theo quy định nên không xem xét giải quyết.

Các tài sản khác mà bị cáo chiếm đoạt của bà Hà không thu giữ được.

Đối với Giấy phép lái xe ô tô của bị cáo, tại phiên tòa bị cáo đề nghị xin lại, đây là giấy tờ của bị cáo còn giá trị sử dụng nên trả lại cho bị cáo. Hội đồng xét xử đã trả lại cho bị cáo tại phiên tòa, nên không đề cập xử lý trong phần quyết định của bản án.

[8] Đối với Lê Minh Q khi mua chiếc máy tính của T rồi bán cho khách hàng không quen biết và không biết đó là tài sản do phạm tội mà có nên không xem xét xử lý.

Đối với Nguyễn Văn N mua xe mô tô nhãn hiệu HONDA SCR biển kiểm soát 22K8-6804 của T nhưng không biết đó là tài sản do phạm tội mà có nên không đề cập xử lý.

[9] Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm; bị cáo, người bị hại, người có quyền lợi N vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

1. Về tội danh và hình phạt: Căn cứ khoản 1 Điều 173; điểm a khoản 1 Điều 175; điểm s khoản 1 Điều 51; đoạn 1 điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 38; Điều 55; Điều 56 của Bộ luật hình sự.

Tuyên bố: Bị cáo Lê Việt Tr phạm 02 tội *Trộm cắp tài sản* và *Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản*.

Xử phạt: Bị cáo Lê Việt Tr **09 (Chín)** tháng tù về tội Trộm cắp tài sản; **10 (Mười)** tháng tù về Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản; tổng hợp hình phạt chung cho cả 02 tội là **01 (Một)** năm **07 (Bảy)** tháng tù. Tổng hợp với hình phạt **01 (Một)** năm **10 (Mười)** tháng tù về tội Trộm cắp tài sản và tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản tại Bản án 91/2020/HS-ST ngày 25/9/2020 của Tòa án nhân dân thành phố Q. Buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt của 02 Bản án là **03 (Ba)** năm **05 (Năm)** tháng

tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo đi thi hành án, ngày 09/11/2020.

3. Về án phí và quyền kháng cáo: Căn cứ Điều 106, 136, 331, 333 Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Bị cáo Lê Việt Tr phải nộp 200.000đ (*Hai trăm nghìn đồng*) án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo, người bị hại, người có quyền lợi N vụ liên quan, ông Nguyễn Văn N, có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; người có quyền lợi N vụ liên quan, ông Lê Minh Q, vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được hoặc niêm yết bản án theo quy định.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tuyên Quang;
- VKSND tỉnh Tuyên Quang;
- VKSND tp. Tuyên Quang;
- Công an tp. Tuyên Quang;
- Chi cục THADS tp. Tuyên Quang;
- Thi hành án hình sự;
- UBND phường T;
- Bị cáo;
- Người bị hại; người có QLVN liên quan;
- Lưu HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Lương Thanh Huyền

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN **THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Vương Minh Tân – Lý Thúy Hà

Lương Thanh Huyền